

Bản án số: 180/2022/DS-PT
Ngày: 21/4/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú Oanh**

Các Thẩm phán:

1. Ông **Nguyễn Đình Đức**

2. Bà **Võ Thị Kim Thương**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ, cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Nguyễn Thị Tố Uyên** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 13, 21 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/DSPT ngày 10/2/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số 210/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 534/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 2 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2524/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Đình T, sinh năm 1947

Bà Trần Ngọc B, sinh năm 1949

Cùng địa chỉ: 67/188 Bùi Đình Túy, Phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện hợp pháp của bà B: ông Dương Đình T, sinh năm 1947 là người đại diện theo ủy quyền (*Giấy ủy quyền ngày 22/3/2019*)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: 219/39 Phạm Ngũ Lão, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1949 (chết ngày 09/11/2017)

Địa chỉ: 219/39 Phạm Ngũ Lão, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2:

3.1. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1958

Địa chỉ: 219/39 Phạm Ngũ Lão, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1942

Địa chỉ: 219/39 Phạm Ngũ Lão, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Dương Đình T và bà Trần Ngọc B trình bày:

Ngày 27/9/2017, ông Dương Đình T, sinh năm 1947 và bà Trần Ngọc B, sinh năm 1949 có ký hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà đất với bà Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1981 với số tiền cho vay là 356.000.000 (Ba trăm năm mươi sáu triệu) đồng, tiền lãi là 2%/tháng. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70101110903, hồ sơ gốc số 20426/2002 ngày 23/10/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1949.

Sau khi hai bên ký kết hợp đồng xong, thì tiến hành thực hiện việc giao nhận tiền và giao giấy tờ nhà nêu trên. Quá trình trên hai bên không lập giấy tờ gì chỉ dựa vào hợp đồng vay mượn tiền và thế chấp nhà đất làm cơ sở. Đến hạn trả nợ như thỏa thuận trong giấy vay tiền, ông T và bà B yêu cầu bà T2 và bà T1 tiến hành trả nợ nhưng không có thiện chí trả nợ. Sau nhiều lần liên hệ nhưng bất thành, ông T và bà B tiến hành khởi kiện bà T2 và bà T1 ra Tòa án để buộc bà T2 và bà T1 trả số nợ là 356.000.000 đồng và thanh toán tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 356.000.000 đồng x 1.125%/ tháng x 17 tháng (tạm tính đến tháng 2/2019) là 69.800.000 đồng. Tổng cộng là 425.000.000 (Bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Sau khi bị đơn trả nợ xong, ông T và bà B sẽ trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ nhà đất đã thế chấp trước đó.

Trong quá trình khởi kiện giải quyết vụ án, nguyên đơn được biết bà Thu đã chết. Nguyên đơn đề nghị Tòa án tiến hành đưa ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1958 (là em của bà T2) và ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1942 (ông P là anh của bà T2) vào tham gia vụ án với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2.

Ngày 10/12/2020, ông T và bà B có bản khai bổ sung về số tiền lãi, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 356.000.000 đồng x 1.66%/ tháng x 47 tháng (tạm tính đến tháng 8/2021) là 284.770.000 (Hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng. Tính tới thời điểm hiện tại, phía bị đơn đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú và cũng không biết hiện đang làm gì và ở đâu.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm:

- Yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1981 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2 là ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1958, ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1942 trả số tiền nợ gốc là 356.000.000 đồng và thanh toán tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 356.000.000 đồng x 1.66%/ tháng x 47 tháng (tạm tính đến tháng 8/2021) là 284.770.000 (Hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng. Tổng cộng là 640.770.000 (Sáu trăm bốn mươi triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn) đồng. Sau khi bà Nguyễn Ngọc T1 và các người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2 là ông Nguyễn Thành N và ông Nguyễn Tấn P trả nợ xong, ông T và bà B sẽ trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ nhà đất tại số 219/39 Phạm Ngũ Lão, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào biên nhận tiền bồi dưỡng giám định viên ngày 05/5/2021 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, phí giám định chữ ký của bà Thúy và dấu vân tay của bà T2 là 5.100.000 (Năm triệu một trăm nghìn) đồng. Ông T và bà B yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T2 và các người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Thu là ông Nguyễn Thành N và ông Nguyễn Tấn P phải có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền giám định nói trên cho nguyên đơn.

- Bị đơn là bà Nguyễn Ngọc T1 có đến Tòa án giao nộp bản photo căn cước công dân và bản sao sổ hộ khẩu. Tuy nhiên sau đó bà T1 không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Thu là ông Nguyễn Thành N và ông Nguyễn Tấn P không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại Bản án sơ thẩm số 210/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Đình T và bà Trần Ngọc B:

Buộc bà Nguyễn Ngọc T1 và các người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2 là ông Nguyễn Thành N và ông Nguyễn Tấn P liên đới trả lại cho ông Dương Đình T và bà Trần Ngọc B số tiền nợ gốc là 356.000.000 (Ba trăm năm mươi sáu triệu) đồng và tiền nợ lãi chậm trả tạm tính đến tháng tháng 8 năm 2021 là 284.770.000 (Hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng. Tổng cộng là 640.770.000 (Sáu trăm bốn mươi triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Ngọc T1 và các người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2 là ông Nguyễn Thành N và ông Nguyễn Tấn P liên đới trả lại ông Dương Đình T và bà Trần Ngọc B số tiền tạm ứng chi phí tố tụng giám định chữ viết, chữ ký là 5.100.000 (Năm triệu một trăm nghìn) đồng.

Sau khi người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2 là ông Nguyễn Thành N và ông Nguyễn Tấn P liên đới trả nợ xong, ông Thóa và bà Bích có nghĩa vụ hoàn lại toàn bộ bản chính giấy tờ nhà đất tại số 219/39 Phạm Ngũ Lão, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên án án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận X kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung:

Về tố tụng: Căn cứ 02 kết quả xác minh xác định ông Nguyễn Tấn P không thường trú cũng như tạm trú tại 219/39 Phạm Ngũ Lão, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông P tại địa chỉ nêu trên và xét xử vắng mặt ông P là vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích của đương sự.

Về nội dung vụ án: Bà T2 chết ngày 09/11/2017, không để lại di chúc, chưa xác định được những người hưởng thừa kế của bà T2, chưa thực hiện việc khai nhận di sản, chưa xác định được giá trị di sản của bà T2 để lại là bao nhiêu để buộc người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại. Tòa án căn cứ tờ khai lệ phí trước bạ ngày 07/11/2021 (đúng là 07/11/2001) để nhận định hàng thừa kế của bà T2 là ông P và ông N là hàng thừa kế thứ hai được hưởng di sản thừa kế thì phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ là không có cơ sở.

Vì vậy, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận X kháng nghị để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên khởi kiện, Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 210/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hình thức: Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát Quận X làm đúng hình thức, trong hạn luật định nên được công nhận về mặt hình thức.

- Về nội dung:

Xét kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận X với đề nghị xem xét về tố tụng: Căn cứ kết quả xác minh xác định ông Nguyễn Tấn P không thường trú cũng như tạm trú tại 219/39 Phạm Ngũ Lão, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông P tại địa chỉ nêu trên và xét xử vắng mặt ông P là vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích của đương sự. Và về nội dung vụ án: Bà T chết ngày 09/11/2017, không để lại di chúc, chưa xác định được những người hưởng thừa kế của bà T, chưa thực hiện việc khai nhận di sản, chưa xác định được giá trị di sản của bà T để lại là bao nhiêu để buộc người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người

chết để lại. Tòa án căn cứ tờ khai lệ phí trước bạ ngày 07/11/2021 (đúng là 07/11/2001) để nhận định hàng thừa kế của bà T2 là ông P và ông N là hàng thừa kế thứ hai được hưởng di sản thừa kế thì phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ là không có cơ sở.

Hội đồng xét xử xem xét về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc T2 chết ngày 09/11/2017, trước khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 12/4/2019 nên không thể là bị đơn. Từ việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư sai cách tố tụng của bà T2 dẫn đến xác định những người hưởng thừa kế của bà T2 là ông Nguyễn Thành N, ông Nguyễn Tấn P và xác định tư cách tố tụng của ông Nguyễn Thành N, ông Nguyễn Tấn P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2 là không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Ngọc T1 cung cấp cho Tòa án 02 chứng cứ mới gồm:

1) Bản sao Giấy chứng tử số 25 Quyền số 01/2013 sao từ sổ đăng ký khai tử ngày 15/5/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện ông Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24/5/1942 đã chết ngày 14/5/2013 tại nhà 271/43 Lê Văn Lương, Khu phố Z, phường T, Quận Y; nguyên nhân chết bệnh già. Đây là tình tiết mới mà quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không biết do đương sự không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Chứng cứ này cần được xác minh làm rõ vì nó có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định ông P có phải là người được hưởng thừa kế của bà T2 theo quy định tại Điều 613, 615 Bộ luật dân sự năm 2015 hay không, từ đó xác định ông P có tư cách tham gia tố tụng trong vụ án hay không.

2) Giấy giao nhận việc nuôi con nuôi số 169 quyền số 01 ngày 03/10/1986 của Ủy ban nhân dân phường A, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận việc giao trẻ Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1981 cho bà Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1949, địa chỉ 219/39 Phạm Ngũ Lão, phường P, Quận X, quan hệ với trẻ: Mẹ nuôi.

Hai chứng cứ mới có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết vụ án để xác định đúng bị đơn, người phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có tài liệu, chứng cứ mới do đương sự cung cấp làm thay đổi nội dung vụ án về việc xác định những người hưởng thừa kế của bà T2 như nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát, nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm hoàn chỉnh lại các thủ tục tố tụng, xác định tư cách đương sự của vụ án và thu thập chứng cứ làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Do hủy về tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án sơ thẩm số 210/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Tú Oanh